

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 89/2021/DS-GĐT

Ngày: 18/3/2021

V/v Tranh chấp liên quan đến yêu cầu
tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa: Ông Võ Văn Cường

Các thẩm phán: Ông Phan Thanh Tùng

Ông Bùi Đức Xuân

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Vũ Phương - Thẩm tra viên của Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Minh Nghĩa – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự về “*Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu*” giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1 Bà Trần Thị K, sinh năm 1956. Địa chỉ: Số 3891, tổ 10, ấp S, xã A, huyện T, tỉnh N.

1.2 Bà Trần Thị G, sinh năm 1962. Địa chỉ: Số 1262, tổ 10 ấp K, xã A, huyện T, tỉnh N..

2. Bị đơn: Phòng Công chứng số 2, tỉnh N. Địa chỉ: khu phố R, thị trấn G, huyện G, tỉnh N.

Người đại diện hợp pháp: ông Trần Hùng N, Chức vụ: Trưởng phòng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các nguyên đơn là bà Trần Thị K, Trần Thị G trình bày:

Cụ Trần Thị T (sinh năm 1926, chết năm 2014) chung sống với cụ Phạm Văn S có 03 người con là Phạm Văn S, Phạm Văn Đ (chết từ nhỏ) và Phạm Văn C (sinh năm 1947, chết năm 1969, không có vợ con). Cụ T và cụ S tạo lập được 10.000m² đất ở xã A, huyện T, tỉnh N. Sau đó, cụ T chung sống với cụ Nguyễn Văn T (không rõ năm sinh, năm chết) và có hai người con là bà Trần Thị T và bà Trần Thị K. Thời gian sau thì cụ T chung sống với cụ Phạm Văn K (không rõ năm sinh, năm chết), có một người con là bà Trần Thị G. Khi cụ S còn sống, cụ T chia đất cho các con là bà T, bà K, bà G; còn lại phần đất có diện tích 2.928m² thì cụ T được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01463QSDĐ/110 ngày 20/01/1994. Việc cụ T chia đất cho các con và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất thì cụ S có biết và không có ý kiến gì.

Ngày 11/7/2017, bà K và bà G mới biết cụ T đã lập di chúc để lại toàn bộ phần diện tích đất 2.928m² cho bà T, di chúc được công chứng tại Phòng Công chứng số 2, tỉnh N. Bà K, bà G có đơn khởi kiện, yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng di chúc của cụ Trần Thị T đã được Phòng Công chứng số 2 tỉnh N công chứng số 544 quyền số 03TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/12/2010 là vô hiệu.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn Phòng Công chứng số 2 tỉnh N trình bày: Ngày 28/12/2010, Phòng Công chứng số 2, tỉnh N có công chứng di chúc của cụ T như bà K, bà G đã nêu là hoàn toàn đúng theo quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục công chứng và các văn bản luật khác có liên quan. Việc người khởi kiện là bà K, bà G yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng di chúc của cụ Trần Thị T đã được Phòng Công chứng số 2 tỉnh N công chứng số 544 quyền số 03TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/12/2010 là vô hiệu, nếu Tòa án xét thấy có đủ cơ sở pháp lý thì tiến hành giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2019/DS-ST ngày 30/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị K, bà Trần Thị G.

Tuyên bố di chúc của cụ Trần Thị T đã được Phòng Công chứng số 2 tỉnh N công chứng số 544 quyền số 03TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/12/2010 là vô hiệu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/9/2019, người đại diện hợp pháp của Phòng Công chứng số 2 tỉnh N là ông Trần Hùng N có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 278/2019/DS-PT ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh quyết định:

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm 51/2019/DSST ngày 30/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh và đình chỉ giải quyết vụ án.

Ngày 03/01/2020, bà Trần Thị K, bà Trần Thị G có đơn đề nghị kháng nghị bản án phúc thẩm nêu trên theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 13/QĐKNGĐT-VC3-DS ngày 11/12/2020, Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã kháng nghị đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 278/2019/DS-PT ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm hủy Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên và hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2019/DS-ST ngày 30/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về yêu cầu khởi kiện: bà Trần Thị K, bà Trần Thị G khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố di chúc của cụ Trần Thị T lập ngày 28/12/2010 đối với phần đất diện tích 2.928m² được công chứng tại Phòng Công chứng số 2 tỉnh N là vô hiệu, với lý do: Đơn xin xác nhận tình trạng độc thân của cụ T để công chứng di chúc là không đúng sự thật và không tuân thủ về mặt hình thức theo quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm quyết định “tuyên bố di chúc của cụ Trần Thị T đã được Phòng Công chứng số 2 tỉnh N công chứng số 544 quyển số 03TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/12/2010 là vô hiệu” là giải quyết không đúng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án cấp phúc thẩm nhận định bà K, bà G không có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố văn bản công chứng di chúc của cụ T lập ngày 28/12/2010 vô hiệu, không có quyền khởi kiện dù bà K và bà G (con của cụ T) là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ T và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là không phù hợp quy định tại Điều 52 của Luật Công chứng năm 2014 về người có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu.

[2]. Về thời hiệu khởi kiện: Tòa án cấp phúc thẩm nhận định bà K, bà G không có quyền khởi kiện dẫn đến việc không xem xét thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 154 Bộ luật Dân sự năm 2015 là chưa phù hợp với nội dung vụ án. Ngoài ra, trong giai đoạn giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, Văn Phòng Công chứng số 2, tỉnh N không yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với Văn bản công chứng số 544, quyển số 3/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/12/2010. Như vậy, Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của Văn phòng công chứng số 2 tại giai đoạn phúc thẩm để xác định đã hết thời hiệu khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố văn bản công chứng di chúc vô hiệu và tuyên hủy án sơ thẩm, đình chỉ giải quyết vụ án là vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 149 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 325; Điều 334; Điều 337; Điều 343 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 13/QĐKNGĐT-VC3-DS ngày 11/12/2020 của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 278/2019/DS-PT ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh và hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2019/DS-ST ngày 30/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định./.

Nơi nhận:

- Chánh án (để báo cáo);
- Vụ pháp chế và quản lý khoa học TANDTC;
- VKSNDCC tại TP HCM (để biết);
- TAND tỉnh Tây Ninh (để biết);
- TAND huyện Gò Dầu (để biết);
- CTHADS huyện Gò Dầu (để biết);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu VP, Phòng HCTP, Phòng GDKTIII, HSVA.
- VPg.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Võ Văn Cường**